

Chúng sinh trong cõi Ta bà này ngày càng bị cuốn hút theo thanh trần mà bỏ mất Tính Nghe không sinh diệt nằm ngoài phạm vi phân tích của tư duy lý luận; mà bị lưu chuyển trong vòng luân hồi lục đạo. trước mắt, như Anan, tuy có trí nhớ vĩ đại, nhưng những kiến văn tích lũy ấy không đủ công năng vô hiệu hoá thân chú Satyala đến nỗi suýt phạm giới thể, có nguy cơ tiêu tan hết bao nả công phu tu tập. Nghe nhiều, thực chất là chứa chấp nhiều lầm lỗi, kiến hoặc, tư hoặc chuyển tải đến nhĩ căn bởi thanh trần còn gọi là sóng âm. Đặc biệt trong thế kỷ 20, 21 nhân loại rong ruổi trên các xa lộ thông tin, gắn mình vào ngoại vật là các máy vi tính, mê muội trước những lợi ích, những dục lạc trước mắt mà không nhìn ra những tai hoạ của sự rối loạn, gây nhiễu và khống chế đã hiện hình trên đường chân trời của tương lai gần; mà ngày càng sùng bái văn minh duy lý, do đó ngày càng xa rời con đường hướng nội. Phép đối trị là trước hết và chủ yếu phải tự nghe cái tính nghe của mình. Tính nghe ấy khác với các hiện tượng tự nhiên có sinh, có diệt, và nương vào nhau mà tự xác định. Thí dụ Tính Nghe ấy hiện hữu độc lập với thanh trần: thanh trần sinh, tính nghe vẫn có đấy nên mới biết thanh trần sinh, thanh trần tắt, tính nghe vẫn có đấy nên mới biết thanh trần tắt. Nó cũng chính là Tính Thấy độc lập với cái bị thấy hay Sở Kiến,... Nó chính là Giác Tính đóng vai Động Lực của huyền sư vận hành các trò huyền thuật là sáu căn. Cái tính nghe chú vào bên trong thì năng-sở sẽ tiêu tan, nói riêng trần tướng diệt mất mà Giác Tính viên tịnh hiện bày, "viên" nghĩa là thấy biết trùm khắp mười phương thế giới như mặt dụng của cái thể là giác tính như-như hay thanh tịnh. Cái thấy biết rốt ráo phát hiện ra các việc thế gian chỉ là một trò mộng huyền, chiêm bao. Lúc ấy, thí dụ một Mađănggià-chiêm bao làm sao lại bắt giữ được một Anan, lúc ấy, tất cả đều tỉnh lặng bởi vì, cùng với sáu căn, tất cả vốn nương vào giác tính hay tính tịnh minh mà hoá hiện, mà phân lập khi giác tính ấy bị bỏ quên trong cuộc vượt đui trần cảnh của tâm chúng sinh.

Như vậy cũng có nghĩa là khi một căn, như nhĩ căn chẳng hạn tự bỏ ý nghĩ mình như năng văn, đã cắt đứt quan hệ với thanh trần có tư cách sở văn mà phản tỉnh trở về tính nghe thì các căn còn lại cũng không còn hiện hữu như những chức năng riêng biệt của Thấy Biết mà đồng quay về bản tính, đồng được giải thoát, đồng thành một Tính Viên Minh Tịnh Diệu.

Xoay tính nghe về nghe tự tính, "nghe" chính tâm thức mình, đó là nội dung, ý nghĩa của phép Như Huyền Tam Ma Đề, Phép tam ma đề có tác dụng khiến hành giả thoát ly được thói quen suy nghĩ và ứng xử theo danh từ, ngôn thuyết, nghĩa là những cái đã mọc rễ trong đầu từ lúc nào trong kiếp sống làm người của hành giả. Chính qua phép tam ma đề này mà tam thể Chư Phật chứng được căn bản trí, hậu đắc trí là hai thành phần của Nhất Thiết Chủng Trí, đối tượng của sự thành tựu viên mãn Phật Đạo. Do đó, đây chính là con

đường tu học cho các thế hệ Phật tử mai sau, con đường phù hợp với căn cơ phổ biến của họ, hơn những phép tu viên thông khác, thường yêu cầu những phẩm chất kỳ đặc không dễ tìm thấy nơi chúng sinh. Cho nên có thể nói phép tu này mang lại nhiều cơ may thành tựu cứu cánh là Trí Vô Phân Biệt, là Bát Nhã Bồ Đề, là Niết Bàn Vô Lậu.

PHEP TRI CHU - MẬT GIAO

Giới Luật-

Ngài Anan sửa áo chỉnh tề, chấp tay đỉnh lễ:

“Bạch Thế Tôn Đại Bi, con và tứ chúng vừa được Phật chỉ dạy pháp môn thành Phật, nay con đã hiểu, đã ngộ rất rõ ràng, rất rốt ráo, không còn một tí nghi hoặc nào nữa. Đành rằng từ ngộ đến chứng là cả một chặng đường dài, có thể kéo qua nhiều kiếp, nhưng như lời Như Lai vẫn thường nhắc nhở chúng con, tuy bản thân mới ngộ mà chưa chứng, nhưng không nên vì thế mà tự ti, chưa chứng, nhưng vẫn có thể thực hiện thiện chí giúp người hiểu đạo, vẫn độ được cho người, đó chính là phẩm chất đặc thù của Bồ tát phát tâm, còn như nếu đã chứng đắc đạo quả Bồ Đề, thành tựu giác ngộ viên mãn, nói ngắn gọn, nếu đã thành Phật rồi thì việc độ chúng sinh để họ sớm giác ngộ con đường và cảnh giới giải thoát thì đó lại là phong cách ứng xử tất nhiên của chư Như Lai rồi, khỏi cần bàn tới.

Con nay tuy chưa độ được cho bản thân mình, nhưng rất nhiệt tình phát nguyện độ cho mọi chúng sinh trong mọi thời đại. Đặc biệt trong đời mật pháp cách xa thời Phật tại thế, chúng sinh rất dễ bị đủ loại tà sư ngoại đạo lôi kéo, mê hoặc, mà tìm hiểu Phật Pháp, ý nghĩa sâu thẳm thẳm như thế, mấy ai dò ra được, nói gì đến các phép tu viên thông, ngay cả tu nhĩ căn viên thông, phép nào cũng cơ sở trên định rất triệt để, cho nên con kính xin Phật chỉ bảo cho phép tu nào phù hợp với chúng sinh, không đòi hỏi trí tuệ gì nhiều nơi họ mà chỉ cần họ có được tín tâm, thế là đủ để có pháp môn cho họ tu thành Phật. Ngay chính hiện tượng có quá nhiều tà thuyết cũng đủ chứng tỏ, chúng sinh tuy huyền hoang những là duy lý, là khoa học, thực ra lại rất dễ cả tin một cách ngu xuẩn. Tình hình đã như thế, chẳng bằng Phật phổ biến phép tu giải thoát, đánh trúng vào “yếu điểm” này thì con nghĩ đây là đối sách hữu hiệu nhất”.

“Hay thay Anan ! Người đã do thiện chí, thiện tâm muốn cứu giúp chúng sinh mà đề xuất nguyện vọng, Ta sẽ vì người, cũng vì muôn đời nhân loại mà chỉ bày phép ‘tùy tín hành’, sau này người đời gọi là Mật Giáo, lúc đầu chỉ dựa trên tín tâm, rồi lần lần đi vào tam muội mà thực chứng tính Như Lai Tạng.”

Nhưng trước hết, Ta phải nói ngay rằng tu phép nào thì tu, cái điều kiện đầu không có không được là Giới, là phải thu nhiếp thân tâm về trạng thái thật thanh, thật tịnh, thật lặng, không bị xáo động, sống sang bởi cả ngàn, cả vạn thức đầy mà người đời gọi là tự nhiên.

Giới thì nhiều lắm, 84000 điều cấm kỵ, nhưng với chúng sinh Ta chỉ đề ra bốn yêu cầu mà, dù tu hay không tu, ai cũng phải thấy là cần thiết :

Chúng sinh sở dĩ luân quần mãi trên vòng sinh-tử, luân-hồi, lục-đạo, hết làm người lại làm quỷ, v.v.. , tất cả chỉ bởi vì họ luôn luôn, ngày và đêm, lúc thức và lúc mộng, thực hiện bốn hành vi là Dâm, Đạo, Sát, Vọng.

Dâm nghĩa là thèm, là muốn, đối tượng thường được nghĩ ngay là tình dục, nhưng Dâm phải hiểu theo nghĩa rộng, đối tượng là bất kỳ một khoái lạc thân tâm nào. Sự truy cầu khoái lạc thân tâm được nhiều lý thuyết, nhiều nhà lý luận biện minh, cho đó là khuynh hướng tự nhiên, lại có tính thúc đẩy tiến hoá, văn minh nữa. Nay Ta tuyên bố dứt khoát, rõ ràng, không có "nhưng" gì hết : Tất cả các lý thuyết ấy đều là Ma Đạo, tất cả các loại lý luận gia ấy đều, hạng cao cấp là Ma Vương, hạng trung cấp là Ma Dân, hạng hạ cấp là Ma Nữ.

Vậy nên lời dạy bảo quyết định Thứ Nhất của Ta cũng như của chư Như Lai Tiên Phật Thế Tôn là phải đoạn tuyệt đối cái dâm ngay cả trong ý nghĩ lẫn trong hành động. Sau khi Ta diệt độ, bọn ma này nảy nở nhiều như sung, nhan nhản chỗ nào cũng thấy, chuyên tâm, không những bản thân chuáng mà còn cổ vũ, xúc bầy người khác gây nhiều việc tham dâm. Gia dĩ, bọn chúng không phải không có nhiều công năng rất thuyết phục chúng sinh, công năng bao giờ cũng xuất phát từ tâm thức tập trung trên một chủ đề, tức là thiên định, do đó bọn ma này có quá đủ uy thế, quyền lực làm chúng sinh khiếp đảm mà nghe theo chúng, sa vào vòng ái kiến, bỏ mất con đường tịnh tâm Bồ-Đề.

Anan ! Nếu không đoạn tuyệt lòng dâm mà vẫn định tìm Giải Thoát qua con đường thiên định để cầu diệu quả của Phật, và dù có đạt được vài thành tựu ngoạn mục nào đó, nhưng nếu gốc dâm chưa trừ diệt được thì vẫn cứ trôi lăn mãi trong tam đồ, đừng hoài hơi mong chúng Niết Bàn Như Lai.

Các người cần ghi nhớ làm lòng là phải khiến cho thân tâm đoạn diệt hết giống dâm, dâm bất kỳ cái gì, hơn nữa phải tu sao cho ngay cả cái trạng thái tâm thức đoạn dâm ấy cũng không còn hiện hữu như một cố gắng có ý thức, nó phải tự nhiên, tất nhiên như hơi thở, thì mới trông mong chứng quả Bồ Đề của Phật.

Ta nhắc lại, đây là lời Ta nói, lời Phật nói, ngoài ra bất cứ lời nói nào có ý loanh quanh khác với nội dung đó đều là lời của ma hết.

Giới thứ Hai cần phải triệt để tuân thủ là cấm sát sinh, cấm giết bất kỳ một giống sinh vật nào, trực tiếp giết đã đành, ngay cả gián tiếp qua việc ăn thịt mình mua về cũng thế, cũng đều chịu quả báo chìm đắm trong bể khổ cả. Các người phải nhớ rằng người ăn thịt chúng sinh không bao giờ gọi là Phật tử cả ! Giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau thì tu cách gì mà ra khỏi được tam giới này. Không đoạn trừ lòng sát mà vẫn tu thiền định với ý nghĩ rằng công năng thiền định sẽ làm câm họng tiếng la hét đòi trả giá của chúng sinh bị sát hại thì cũng hết như người tự bịt tai rồi la thật to, to thế nào mình vẫn không nghe thấy, thế là yên trí người khác cũng không nghe thấy. Không đoạn lòng sát thì, dù có đạt được công năng thiền định gì đi nữa, rút cục vẫn bị lạc vào thần đạo : loại cao cấp làm Đại Lực Quỷ, loại trung cấp làm Phi Hình Dạ Xoa hay Quỷ Soái, loại hạ cấp làm Địa Hành La Sát. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn này núp dưới thân người, thân cư sĩ, tỳ khưu, xuất hiện khắp nơi, tuyên bố rùm beng ăn thịt vẫn chứng đạo Bồ Đề. Nếu lên đủ thứ lý lẽ tầm bậy, vậy nên Anan, người có nhiệm vụ dạy người đời tu phép tam ma đề thì bảo họ phải rút khoát đoạn lòng sát. Đây là lời nói quyết định thứ hai của chư Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Chẳng những không được sát sinh dưới hình thức ăn thịt, mà ngay cả không được dùng những thứ dây dếp, quần áo, mũ mào, làm bằng da thú, lông thú, Tỳ khưu nào tuân thủ triệt để giới cấm sát dưới mọi hình thức như thế thì, khi trả hết nợ thế gian, sẽ được giải thoát, không còn đoạ vào dòng luân hồi trong ba cõi. Điều này thực ra rất dễ hiểu thôi : Không ăn, không mặc bộ phận thân thể nào của chúng sinh nào thì còn trường sinh học nào thấm thấu vào xương tuỷ, huyết mạch để cầm tù hành giả trong cảnh giới hữu lậu, cảnh giới của điệp khúc sinh, lão, bệnh, tử lặp lại miên viễn.

Trước đây, có lần ở xứ Balamôn, gặp nơi đất đai cằn cỗi, rất sỏi đá không một thứ cây cỏ nào mọc được, Ta đã cho phép các tỳ khưu theo Ta được ăn năm thứ tịnh nhục. Gọi là tịnh nhục bởi vì đó là thứ thịt do thần lực của Ta hoá sinh ra, thịt đó không có mạng căn nào cả, mà vẫn đáp ứng được nhu cầu của những tỳ khưu còn nặng nghiệp, khi đói quá thường dễ tưởng đến thịt hơn là đến rau, như biện pháp chống đói hữu hiệu nhất.

Hàng tỳ khưu hay Bồ tát thân tâm thực thanh tịnh đi trên đường còn có ý thức tránh không dẫm chân lên cỏ non, bởi vì xét cho cùng, riêng gì chỉ có động vật mới gọi là chúng sinh. Nhưng vì yêu cầu cấm sát sinh loại này quá cao, không có khả năng thực hiện, nói riêng loài người đã huân tập từ

vô thi thói quen phải ăn động, thực vật mới sống nổi, cho nên Ta không đề ra làm giới để mọi người phải chấp hành.

Đoạn lòng thâu đạo, bỏ tính ăn cắp, thói ăn cướp của người khác, điều này ai chẳng cho là đúng, là lẽ phải, nhưng một mặt, đoạn được lòng thâu đạo cho thật triệt để không dễ như người ta tưởng, mặt khác phải hiểu rằng làm cho người mất lòng chính tín, khiến cho người tan hoang cửa nhà cũng đều là thâu đạo cả. Đối với các tỷ khuru, khái niệm thâu đạo lại càng khắt khe : Sở dĩ Ta dạy hàng tỷ khuru theo thứ lớp khắt thực chỉ là để giáo dục họ bỏ lòng tham, nguồn gốc, động lực của thâu đạo. Tỷ khuru nào không tự nấu ăn, gửi cái sống thừa tạm bợ trong ba cõi, chỉ đến đó một lần này rồi thôi không trở lại, đó mới chính là tỷ khuru đi đúng đường đến Đạo Giải Thoát. Nhưng đối với loại tỷ khuru này, sau khi Ta diệt độ, bọn giặc mượn y phục Đạo Phật, buôn bán Như Lai, nêu ra đủ loại lý luận tâm bậy về điều kiện sản xuất, hoàn cảnh địa lý, yêu cầu kinh tế, tập quán văn hoá, để chê bai những người trì giới xuất gia đầy đủ và nghiêm túc ấy là Tiểu Thừa, gây không ít ngộ nhận trong giới tại gia, làm vô lượng chúng sinh sai lầm, bọn này rồi sẽ bị đoạ vào ngục Vô Gián thôi.

Giới đoạn lòng thâu đạo này yêu cầu các hàng tỷ khuru ngoài y bát ra, tuyệt đối không được cất giữ, tích trữ bất cứ cái gì làm của riêng; xin ăn có dư liền đem bố thí cho các chúng sinh đói, nơi tập hợp công chúng đông đảo, dù có bị kẻ nào đánh đập, sỉ nhục, nói gọn là xúc phạm đến con người sinh học và xã hội “của mình” thì vẫn vui vẻ, hoà nhã như không có gì xảy ra, nói đúng hơn, vì thực sự là không có gì xảy ra hết, một khi đã không còn nữa cái vật sở hữu cuối cùng gọi là “con người sinh học và xã hội của mình”. Những tỷ khuru giữ giới được như thế, Ta ấn chứng là thật chứng tam muội.

Tỷ khuru nào, tuy mặt trí tuệ còn rất mù mờ về Đạo Vô Thượng Giác, nhưng bù lại được cái quyết tín nơi Phật Pháp mà phát tâm tu phép tam ma đề một cách rất kiên định, rất dũng cảm như trước tượng Phật dám đốt một ngón tay làm đèn, đốt một chỗ trên thân làm hương, sẵn sàng xả bỏ cái thân nhỏ mọn thì Như Lai Ta ấn chứng người ấy, trong một thời, cũng đủ trả hết nợ túc trái vô thi mà đi vào cõi vô lậu khi già từ thế gian.

Còn những ai tuy có ít nhiều trí thiên định hiện tiền đấy, nhưng nếu chưa đoạn được lòng thâu đạo thì chắc chắn phải lạc vào tà đạo ; hạng cao cấp là Tinh Linh, hạng trung cấp là Yêu Mị, hạng hạ cấp là Quỷ My. Sau khi Ta diệt độ, vào đời mạt pháp, bọn này mặc sức hoành hành nơi thế gian, đứa nào cũng tự xưng là thành đạo vô thượng, tự xưng đắc pháp thượng nhân, tự xưng thiện trí thức, rồi lừa gạt, đoạ dẫm, răn đe đủ cách khiến nhiều người mất lòng chính tín, khuynh gia bại sản.

Đoạn lòng thấu đạo, đó là lời dạy rõ ràng, quyết định thứ Ba của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn. Mọi lời giải thích giới cấm thấu đạo bằng lời nói quanh co ra ngoài những tình huống Ta vừa chỉ bảo cho các người, đều phải xem là luận điệu của bọn Tinh Linh, Quỷ My cả mà thôi.

Dâm, sát, đạo không chỉ là những tệ ác phải đoạn trừ theo giới luật của chư Như Lai mà còn rõ ràng là những cái xấu bị ngăn cấm, chê trách trong xã hội thế tục, vì vậy trong hàng tỷ khuu không thiếu những người nơi thân tâm viên mãn được cả ba hạnh không dâm, không sát, không đạo, Tuy nhiên nếu những người ấy vẫn còn mắc phải cái mà nói chung quần chúng không xem là tội, nhưng trong giới luật của Ta, đó vẫn là tội, tội Đại Vọng Ngữ thì không thể cách nào vào được tam ma đề, hơn nữa còn vị loại trừ ra khỏi giòng giống Như Lai mà trở thành một loại ma gọi là ma Ai Kiên.

Thế nào là đại vọng ngữ ? Đó là bản thân chưa hề chứng đắc, chưa hề thành tựu một cấp độ tu hành nào đó, nhưng lại huyênh hoang rùm beng, trực tiếp tự nói hay qua tay chân loan truyền, rằng mình đã, thí dụ, được quả Tuđàhoàn, quả Tuđàhàm, quả Anahàm, quả Alahán, hoặc lên đến Địa Tám, Địa Chín, hoặc là Duyên Giác, là Bích Chi, hoặc là Di Lặc, là Phật sống để cầu danh vọng, uy tín, sùng bái, cúng dường của thế gian. Ta ấn ký những tên nhất diên ca ấy là loại đã mất thiện căn, không còn chính kiến, tự tiêu diệt Phật chủng, do đó phải chìm đắm trong ba bể khổ.

Nay Ta nói để chúng sinh muôn đời hiểu rõ, nhớ rõ rằng sau khi Ta diệt độ, có nhiều Bồ tát, Alahán sẽ hoá thân xuống cõi nhân gian để độ sinh, hoá đạo dưới nhiều hình thức nhân cách, hoặc là sa môn, hoặc là cư sĩ, hoặc là vua quan,... thậm chí cả dưới hình tượng dâm nữ, ca kỹ, người bán thịt, kẻ trộm cắp,... Các Bồ tát, Alahán hoá thân ấy không từ một hình thức xã hội nào, miễn sao đạt được thành quả tối ưu và kịp thời nhất. Họ Không Bao Giờ nói xưng xưng ra mồm, mình chính là Bồ tát X, chính là Alahán Y, không bao giờ làm tiết lộ mật nhân của chư Phật. Cùng lắm đến lúc lâm chung, mới nói bóng gió để thế nhân hiểu mà tránh sự sùng bái chỉ căn cứ trên ngôn từ khoa đại, chức sắc phẩm vị, tư thế xã hội,...

Nếu không đoạn trừ lòng đại vọng ngữ thì chẳng khác gì lấy phân đắp thành cây chiên đàn rồi tự cho rằng nó vẫn có hương thơm. Về lâu, về dài, thói đại vọng ngữ không chỉ là thói đại ngôn vô thường vô phạt mà còn lôi cuốn cả kẻ khoác lác lẫn người tin theo sa đà vào những tình huống không lường trước được, giống như anh diên tự xưng mình là đế vương, rồi ra rất dễ tự chuốc lấy hoạ tru diệt.

Anan ! Người dạy người đời tu phép tam ma để phải đoạn trừ các kiêu đại vọng ngữ, phải thường xuyên lấy trực tâm ; lấy tâm thẳng thắn, trung thực làm nề nếp, làm chuẩn tắc, làm đạo trường trong mọi hành vi, mọi cử động của sinh hoạt hàng ngày. Những kẻ xưng cần đã được đạo thượng nhân, đã trở thành Pháp Vương mà toan cầu Đạo Bồ Đề của Phật thì chẳng khác gì kẻ hoài công cố cần cái rốn của mình. Đó là lời dạy rõ ràng, dứt khoát, quyết định thứ Tư của các Đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Những tỷ khưu, tâm cương trực như dây đàn căng thẳng mà tu hành để vào tam ma đề thì Như Lai Ta ấn chứng người đó sẽ thành tựu vô thượng tri giác của hàng Bồ tát.

Ta đã nói thế, và các người cũng phải mãi mãi ghi nhớ như thế, ngoại giả mọi lời sai khác đều là của ma cả.

ĐẠO TRƯỞNG

Anan ! Người xin Ta giảng dạy phép tu “Tuỳ Tín Hành”, phù hợp với đại đa số chúng sinh loài người. Nay Ta đi vào chi tiết.

Phép tu này trước hết dựa vào đức tin rất thuần thành, sau đó triển khai trên thao tác gọi là niếp trì tâm niệm, nghĩa là thu hẹp, giới hạn toàn bộ hoạt động tâm thức vào một niệm. Nếu đây chỉ là niệm về một hiện tượng tự nhiên nào đó thì trì tâm niệm đủ cường độ vẫn hiện thực hoá được niệm đó mà hành giả khỏi cần nghiêm trì bốn luật nghi, đó chính là hiệu ứng của chú Satýcala mà Madānggià đã trì tụng. Nhưng nếu niệm đó là chính niệm thì phải song hành với sự tuân thủ nghiêm ngặt cả bốn luật nghi trong sáng như sương buổi sớm, như giá đêm đông. Chỉ có tu “tuỳ tín hành” như thế thì tâm mới không chạy theo ngũ trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, do đó ba ý nghiệp: tham, sân, si, và bốn khẩu nghiệp: nói dối trá, nói khích bác, nói hạ nhục, nói huyền thuyên không còn hiện hữu để tạo nhân cho bất kỳ một quả nào nữa. Tuy vậy, tập khí từ vô lượng kiếp quả khứ không vì thế mà đã tiêu vong hết sạch, nó vẫn ẩn khuất, tiềm tàng đâu đó trong chỗ sâu thẳm của tâm thức mà người đời thường gọi là tiềm thức ! Không nói đâu xa, ngay sự cố vừa rồi xảy ra giữa người và Madānggià nào phải chuyện ngẫu nhiên, bỗng dưng : hai người đã nặng duyên luyến ái với nhau trong nhiều kiếp, đến kiếp này, Madānggià, vì là phụ nữ nên tập khí của cái gọi là tình cảm lãng mạn còn nặng hơn người, nhưng bù lại, cũng chính vì là phụ nữ nên vẫn thiên hướng về sức mạnh và hiệu dụng của tự tâm, khác với người quá coi trọng tư duy lý luận của bọn học phiệt hàn lâm, cho nên Madānggià đã nhanh chóng chứng quả vô học. Lẽ có của các người muốn vượt lên cầu Tối Thượng Thừa đâu phải là chuyện quá

khó khăn. Thí dụ qua con đường Mật Giáo chuyên tụng thần chú. Muốn nhỏ tận gốc, trốc tận rễ, còn cần phải nhất tâm tụng chú vô thượng “Phật Đỉnh Quang Minh Đại Bạch Tán Cái” của Ta, đó cũng là Tâm Chú do Vô Vi Tâm Phật của Vô Kiến Đỉnh Tướng Như Lai ngồi trên toà sen báu hiện ra từ nơi nhục kế hay đỉnh đầu sahasrara.

Khi vào đạo trường để trì chú, trước hết chẳng những bản thân mà tất cả những sa môn bạn đồng tu đều phải giữ cấm giới tỳ khưu cực thanh tịnh, nếu không triệt để tuân thủ nguyên tắc luật nghi thì đừng mong chờ bất kỳ thành quả nào. Sau đó, mặc y phục mới, đốt hương trầm, ở riêng một mình một chỗ, tụng thần chú một trăm lần, thân tâm phát nguyện Bồ tát không ngưng nghỉ trong cả sáu thời, khi vào, khi ra, khi tắm, khi rửa chuyên cần tụng chú, phát nguyện Bồ tát bất kể ngày đêm, nói thế nghĩa là không có ngủ nghỉ gì hết. Cứ thế sau 24 ngày chính Ta sẽ tự hiện thân đến trước hành giả, xoa đỉnh đầu mà khai ngộ cho.

Việc lập đạo trường phải triển khai theo đúng yêu cầu thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn:

Mặt bằng đạo trường hình bát giác, mỗi cạnh chừng 1 trượng 6, sàn đất phải cực sạch sẽ, thanh tịnh. Để đạt yêu cầu này, phải quyết trên mặt nền một lớp hỗn hợp gồm hương chiên đàn chộn lẫn với phân con đại lực bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn, loài vật này chỉ ăn cỏ thơm và uống nước trong trên núi. Nếu không kiếm được phân đại lực bạch ngưu Tuyết Sơn thì chí ít cũng đào sâu xuống quá 5 thước để lấy đất nguyên thổ, đem đất này chộn với bột của 10 thứ hương liệu là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc linh lăng. can tùng, kê thiết để tạo thành một thứ nhão, đem chất lên mặt đất đạo trường. Trung tâm đàn, bày một hoa sen bằng vàng, bạc, đồng, cây; giữa hoa đặt một cái bát, trong bát đựng nước mù sương tháng Tám, trong nước ấy lại cắm các hoa lá hiện có. Rồi lấy 8 cái gương tròn, mỗi cái để một phía, bao quanh hoa sen và bát hoa. Bên ngoài những gương ấy, bày 16 hoa sen, giữa mỗi hoa sen để một lư hương, trong lư đốt toàn hương trầm thủy, nhưng không để có ngọn lửa. Lấy sữa bạch ngưu để trong 16 bình, lại dùng sữa cùng các thứ đường cát, bột sữa, tô hợp, mút gừng, mật ong, bơ tốt làm bánh nướng, bánh rán, mỗi thứ đựng trong 16 bình đặt quanh hoa sen để cúng dàng chư Phật và Đại Bồ tát.

Vào lúc ăn cơm, và vào giữa đêm, lấy nửa thăng mật, ba cáp bơ và một lư lửa nhỏ, dùng hương dầu laubà, nấu lấy nước thơm, rửa than cho sạch, đốt than đỏ hồng trong lư và rót mật, bơ vào, đốt cho đến hết khói để cúng dường chư Phật, chư Bồ tát.

Ở bốn phía ngoài, treo phan và hoa mọi chỗ, trong phòng đàn bảy tượng của thập phương Như Lai và các vị Bồ tát trên vách, ở chính giữa đặt tượng Phật Lôana, Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Phật A Xơ, Phật Di Lặc và các tượng biến hoá của ngài Quán Am, cùng các vị Kim Cương Tạng Bồ tát ở hai bên còn các tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ôsôatsma, Lamđiaca, Quântràly, Tỳcâu-chi, Tứ thiên vương, Tồnna, Dakca, v.v.. treo hai bên cửa. Lại lấy 8 cái gương treo úp trên không, mặt gương này đối chiếu 8 mặt gương trước làm cho các hình ảnh như lồng nhau nhiều lớp.

Trong tuần 7 ngày đầu, thành tâm đỉnh lễ danh hiệu thập phương Như Lai, các vị Đại Bồ tát, Alahán, 6 thời đi quanh đàn tụng chú, mỗi thời tụng 108 biến. Trong tuần 7 ngày thứ Hai, phát nguyện Bồ tát, tâm chuyên nhất không gián đoạn. Về phát nguyện Bồ tát, Ta đã dạy rồi trong phần luật nghi. Trong tuần 7 ngày thứ Ba, liên trong 12 thời, trì chú Bátđatra của Phật, cứ thế đến ngày thứ Bảy sẽ thấy thập phương Như Lai đồng xuất hiện trong chỗ ánh sáng các mặt gương giao nhau và được Phật xoa đỉnh. Kế tiếp vẫn ở nơi đạo tràng đó mà tu phép tam ma đề, cứ thế thân tâm sẽ được sáng suốt, trong sạch như ngọc lưu ly.

Cần chú ý rằng, trong 10 vị tỷ khưu đồng hội đạo tràng, người nào cũng phải giới hạnh thanh tịnh, nếu không, dù chỉ một người bất tịnh cũng đủ không thể thành tựu mục đích.

Sau 3 tuần 7 ngày như thế, phải ngồi nghiêm chỉnh an tọa suốt 100 ngày liên không rời chỗ thì sẽ được quả Tuđàhoàn. Đó là cách dựng lập đạo tràng và tu trì thân chú. Sau đây Ta sẽ tuyên đọc thân chú Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm, các người hãy chú tâm ghi dạ :

Lúc đó từ nhục kế Đức Thế Tôn phóng ra trăm đạo hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen nghìn cánh, giữa hoa sen có hoá thân Như Lai ngồi, trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo, cùng với vô lượng các vị Kim Cương Mật Tích xách núi, cầm sử khắp cõi hư không. Đại chúng ngửa mặt nhìn xem vừa thích, vừa sợ, nhất tâm nghe Đức Phóng Quang Như Lai tuyên đọc thân chú.

PHEP TIÊM THU

Ngài Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, chúng con xưa nay quen khuynh hướng về trí tuệ đa văn, tức là ưa tích tụ kiến thức, cho nên không thoát ra ngoài được tình trạng hữu lậu, nghiệp nhân, nghiệp báo nối nhau không ngừng, nay được Phật dạy bảo nên đã có hướng tu chân chính, hiềm một nỗi là còn một số vấn đề vẫn

mù mờ chưa rõ, tỷ như người tu phép tam ma đề, trước khi đến Niết Bàn thì trải qua những trạng thái tâm thức, trình độ trí tuệ nào. Con cũng đã nghe nói đến Can Tuệ Địa, 44 tâm, Nhập địa, Đăng Giác, Diệu Giác, nhưng thực lòng chưa hiểu đầu vào đầu cả. xin Phật chỉ dạy cho”.

“Hay thay Anan ! Người đã vì đại chúng và hết thảy chúng sinh tu tam ma đề mà cầu pháp, nay Ta sẽ chỉ rõ đường tu hành vô thượng từ phạm phu đến Đại Niết Bàn.”

Cứu cánh tối hậu là Chuyển Y: Thế nào là chuyển y ? Các người do huân tập vô minh từ vô thủy nên mặt nhận thức thường y cứ, thường dựa vào danh mà các người đặt ra cho tướng mà các người tri giác, chính vì vậy mà các người thấy cả một thế giới của những sai khác, dị biệt, rồi ứng sử trên cơ sở nhận thức ấy. Nhận thức ấy Ta gọi là Vọng Kiến, nó “kiến” trước hết cái sinh, rồi tiếp đến cái diệt, cứ thế miên viễn. Tu phép tam ma đề chính là cách, là phương pháp từ bỏ vọng kiến phân biệt để chứng nghiệm trí vô phân biệt của Vô Thượng Bồ Đề, rời khỏi tình trạng sinh diệt, diệt sinh luân quần, loanh quanh mà nhập vào trạng thái vô sinh của Đại Niết Bàn.

Phương pháp này triển khai theo những bước từ thấp đến cao, nên cũng gọi là phép tu tiệm thứ.

Bước đầu tiên là phải thức nhận triệt để tính đến đảo của hai hiện tượng lần lượt gọi là chúng sinh và thế giới.

Các người đã biết rồi, cái bản thể tối hậu, cái cấu thành vạn pháp, là cái Tâm Tính, cái Chân Tâm, cái Như Như, cái Không. Cái Không này, với tư cách là bản thể, đương nhiên là cùng khắp mọi nơi, mọi chỗ, với tư cách là tâm, đương nhiên là phải minh, nghĩa là hiểu rõ cơ cấu và cơ chế của tất cả trong sự thống nhất thuần nhất, nên minh của tâm ấy là Viên Minh. Đương nhiên là sản phẩm của tâm ấy, chúng sinh cũng phải minh, nhưng vì là minh của cái Tâm vọng động nên chúng sinh minh thấy có tính sinh, sinh có nghĩa là sinh ra một cái gì. Rốt cuộc từ chỗ Không rất triệt để, bây giờ lại thành Có cũng rất triệt để, nghĩa là lấy cái phi nhân-cái Không- làm nhân-cái Có. Sự thành lập năng hữu, sở hữu, năng trụ, sở trụ là như vậy. Cũng là như vậy sự thành lập ra thế giới và chúng sinh.

Và như vậy đấy, tính viên minh sẵn có nơi chúng sinh đã nhiều động thành ra vọng kiến, thành ra hư vọng. Đã gọi là vọng, là hư thì đương nhiên nó không có tự thể, tự tính nào hết, cũng không có gì để nói đến nguyên nhân nào hết. Nghĩ rằng cái hư vọng ấy có nguyên nhân và truy cầu nó với cái tên là chân lý thì sự truy cầu ấy chỉ đưa tới mê lầm chứ không phải là chân như chân thật, mê lầm biểu thị qua những phi tướng; nghĩa là những tướng giả dối